TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-ST
Ngày 27/02/2024
"V/v tranh chấp ly hôn giữa chị D và anh T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Bà Lê Thị Tranh.

Các Hội Thẩm nhân dân: - Ông Lê Văn Được
- Ông Huỳnh Văn Đương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Thị Bích Vân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Tấn An – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 101/2023/TLST-HNGĐ, ngày 20/11/2023 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2024/QĐST-HN, ngày 18/01/2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 29/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 02/02/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim D, sinh năm 1983;
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

Bị đơn: Anh Lê Duy T, sinh năm 1983;
Địa chỉ: Khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Kim D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2016 chị và anh Lê Duy T quen nhau và xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định, thời gian chung sống chị và anh T không có 02 con chung, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không không hợp nhau, anh T ít quan tâm đến cuộc sống của chị, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, ly thân hơn 06

tháng nay, tình cảm vợ chồng cũng không còn. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Duy T.

Về con chung: Chị và anh T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị D không tranh chấp, không khởi kiện, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về số nợ phải thu, phải trả: Chị D không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Lê Duy T vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà có tống đạt, niêm yết đầy đủ cho các đương sự. Về chấp hành pháp luật của đương sự, chị D thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng anh T không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị D, xử cho chị D và anh T được ly hôn với nhau, về con chung chị D và anh T không có con chung không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung và về số nợ phải thu, phải trả chị D không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét, về án phí chị D phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn anh Lê Duy T có nơi cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà bị đơn anh Lê Duy T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo luật định.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét đơn của chị D khởi kiện xin ly hôn với anh T nên xác định quan hệ tranh chấp "Ly hôn" là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị D và anh T chung sống với nhau năm 2016 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào các Điều 08 và Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của chị D và anh T là hợp pháp.

Xét thấy quá trình chung sống giữa chị D và anh T tuy chưa thống nhất với nhau về quan điểm đời sống vợ chồng, lối sống, về cách ứng xử giao tiếp thì anh chị phải biết tự điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với cuộc sống hiện tại, cùng nhau góp ý xây dựng, chia sẽ và tôn trọng lẫn nhau để tìm cách giải quyết mọi vấn đề một cách êm đẹp nhất nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình. Khi mâu thuẫn phát sinh chị D và anh T đều bỏ mặt cho hậu quả xảy ra, không còn quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, anh chị luôn bất hòa với nhau về mọi mặt, mạnh ai nấy sống làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Năm 2021, chị D đã làm đơn xin ly hôn với anh T nhưng chị rút đơn để vợ chồng cùng nhau hàn gắn xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng chị D và anh T vẫn không đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải hai lần để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T không đến và tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt không có lý do, từ đó cho thấy khả năng hàn gắn đoàn tụ vợ chồng là không có kết quả.

Tại phiên tòa hôm nay, chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Chị D xin được ly hôn với anh T là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu đơn khởi kiện của chị D, xử cho chị D và anh T được ly hôn với nhau.

- Về nuôi con: Chị D và anh T không có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị D không khởi kiện, không tranh chấp, không yêu cầu Toà án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Chị D không tranh chấp, không yêu cầu Toà án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị D phải nộp tiền án phí theo quy định pháp luật.

- Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 01 Điều 28, 35, 39, Điều 147, 227, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Kim D.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Kim D và anh Lê Duy T được ly hôn với nhau.

- Về nuôi con: Chị Trần Thị Kim D và anh Lê Duy T không có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị D không khởi kiện, không tranh chấp không yêu cầu Toà án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Chị D không tranh chấp, không yêu cầu Toà án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị Kim D có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0019178 ngày 09/11/2023 do chị D nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Chị Trần Thị Kim D đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Tranh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND T,
huyện C, tỉnh T;
- Lưu HSVA.